TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Số: **90**/2019/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *M, ngày 28 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: **129**/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh **Trịnh Mạnh H**, sinh năm 1982.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 10, thôn D, xã H, huyện M, Thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn*: Chị **Đỗ Hồng T**, sinh năm 1990.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 10, thôn D, xã H, huyện M, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Trịnh Mạnh H** và chị **Đỗ Hồng T**.

Giấy chứng nhận kết hôn số 157/2014, quyển số 01/2014, cấp ngày 14/11/2014 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, Thành phố Hà Nội cấp cho anh Trịnh Mạnh H và chị Đỗ Hồng T không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Anh Trịnh Mạnh H và chị Đỗ Hồng T đều xác nhận có 02 con chung. Giao cháu **Trịnh Nhất H**, sinh ngày 02/6/2015 cho anh Trịnh Mạnh H; giao cháu **Trịnh Đăng H**, sinh ngày 16/12/2016 cho chị Đỗ Hồng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành hoặc có thoả thuận khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho các bên đến khi có yêu cầu mới.

Nghiêm cấp việc cản trở quyền đi lại thăm hỏi, chăm sóc con chung.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung:

Các đương sự đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí:

Anh Trịnh Mạnh H và chị Đỗ Hồng T mỗi người pH chịu 75.000đ *(Bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn)* án phí ly hôn sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của anh H chịu cả phần án phí thay cho chị T nên anh H pH chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)* án phí. Xác nhận anh H đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng chẵn)* tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **2259** ngày 17/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, Thành phố Hà Nội. Nay anh H được hoàn lại 150.000^{đ} *(Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện M;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Lâm Bình